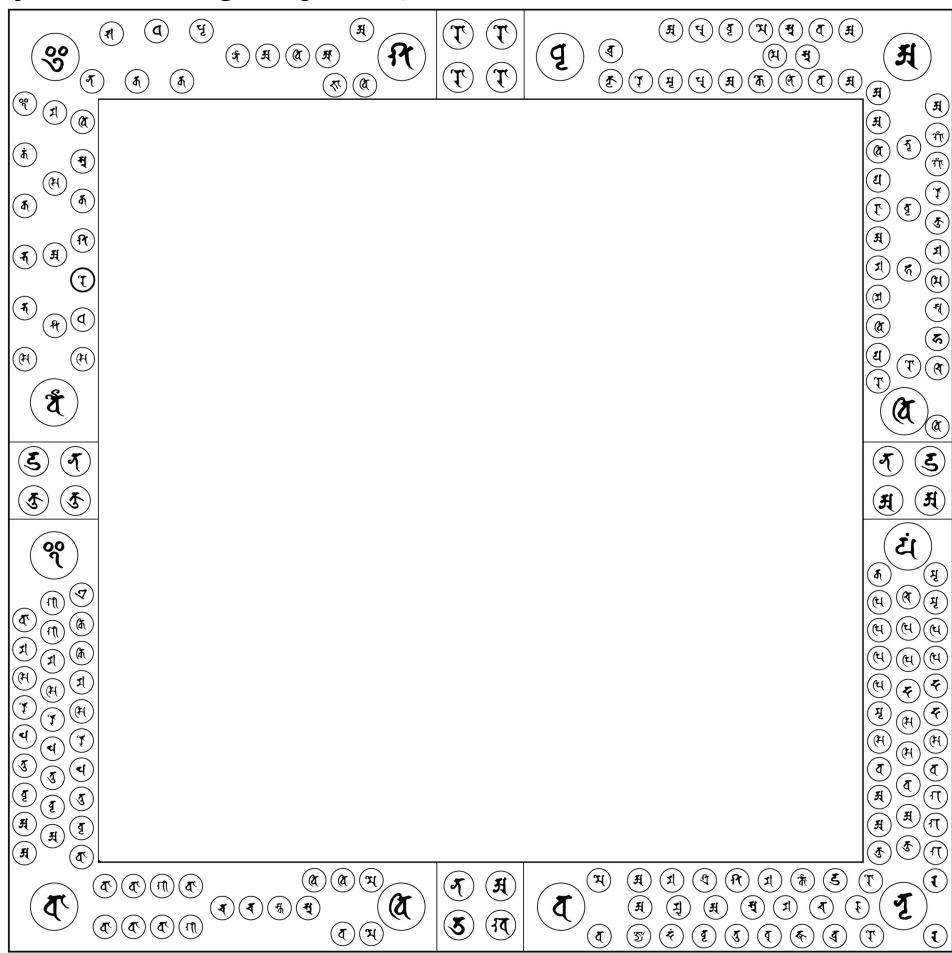


_ Phương Tây có 48 Tôn thuộc nhóm La Sát Thiên, Thủ Thiêng, Đại Tự Tại Thiên...(Dãy bên dưới, từ phải qua trái)



- 1_ Niết Lý Đế Vương (¶)
- 2_ La Sát Nữ (¶)
- 3_ La Sát Nữ (¶)
- 4_ Đại Tự Tại Thiên (¶)
- 5_ Đại Tự Tại Thiên Phi (¤)
- 6_ Phạm Thiên Nữ (¤)
- 7_ Đế Thích Nữ (¤)
- 8_ Cưu Ma Lợi (¤)
- 9_ Giá Văn Trà (¤)
- 10_ Ma Noa Xá (nữ) (¤)
- 11_ Ma Noa Xá (nam) (¤)
- 12_ Thuỷ Diệu (¶)
- 13_ Thổ Diệu (¶)
- 14_ Nguyệt Diệu (¤)
- 15_ Xứng Cung (¤)
- 16_ Yết Trùng Cung (¤)
- 17_ Cung Cung (¤)

- 18_ Nữ Tú (☴)
- 19_ Ngưu Tú (☷)
- 20_ Đẩu Tú (☵)
- 21_ Vĩ Tú (☲)
- 22_ Cơ Tú (☶)
- 23_ Phòng Tú (☱)
- 24_ Tâm Tú (☳)
- 25_ Thuỷ Thiên Quyển Thuộc (☴)
- 26_ Thuỷ Thiên (☵)
- 27_ Nan Đà Long Vương (☲)
- 28_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (☳)
- 29_ Đối Diện Thiên (☶)
- 30_ Nan Phá Thiên (☳)
- 31_ Quảng Mục Thiên (☱)
- 32_ Thuỷ Thiên (☵)
- 33_ Thuỷ Thiên Phi (☴)
- 34_ Thuỷ Thiên Phi Quyển Thuộc (☴)
- 35_ Na La Diên Thiên (☱)
- 36_ Na La Diên Thiên Phi (☱)
- 37_ Biện Tài Thiên (☴)
- 38_ Cưu Ma La Thiên (☷)
- 39_ Nguyệt Thiên (☲)
- 40_ Nguyệt Thiên Phi (☲)
- 41_ Cổ Thiên (☵)
- 42_ Ca Thiên (☲)
- 43_ Ca Thiên (☲)
- 44_ Nhạc Thiên (☵)
- 45_ Phong Thiên Phi (☵)
- 46_ Phong Thiên Quyển Thuộc (☵)
- 47_ Phong Thiên Quyển Thuộc (☵)
- 48_ Phong Thiên (☵)

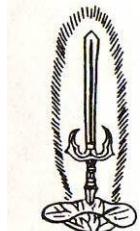
1_ Niết Lý Đế Vương (Nirṛtiḥ):

Nirṛtiḥ dịch âm là Niết Lý Đế, Niết Lý Đế, Nê Lý Đế. Tức La Sát Thiên thuộc 8 Phương Thiên, một trong 20 Thiên.

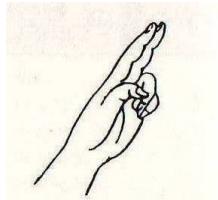
Tôn hình: Thân màu thịt đỏ, trọn mắt nhìn áo giáp. Hướng cánh tay trái ra bên ngoài, đem ngón cái vịn ngón út ngón vô danh, dựng ngón trỏ ngón giữa, tác Đao Ân. Tay phải cầm cây kiếm đeo cạnh eo, ngồi trên đài tròn.



Chữ chủng tử là:NR (ණ) hay RÀ (ර)
Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm



Tướng Ấn là: Dao Ấn



Chân Ngôn là:

ନମେସମତ ଦର୍ଶକୁ ରାଜପତ୍ରପଦ୍ୟାଦୁ ଚନ୍ଦ୍ର
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ RĀKṢASA ADHIPATAYE_
SVĀHĀ

Hay ନମେସମତ ଦର୍ଶକୁ ନିର୍ରତ୍ୟେ ଚନ୍ଦ୍ର
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NIRRTYE_ SVĀHĀ

2_ La Sát Nữ (Ràksasì):

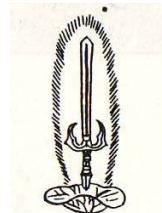
La Sát (Ràksa) là tên gọi loài quỷ ác. Lại gọi là La Sát Sa , La Xoa Sa, A Lạc Sát Sa. Dịch ý là Khả Uý (đáng sợ), Tốc Tật Quỷ, Hộ Giả. Nữ La Sát là La Sát Tư (Ràksasì), La Sát Kỳ.

Ràksasì là một trong hai nữ La Sát tuỳ tòng Niết Lý Đế Vương

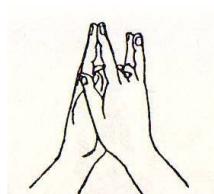
Tôn hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay trái cầm vật khí chứa đầy máu, quỳ thảng lưng trên tòa (hình bên trái, phía trên)



Chữ chủng tử là: (𢚤)
Tam Muội Gia Hình là: cây Kiếm



Tướng Ấn là: La Sát Nữ Ấn



Chân Ngôn là:
ନମଃସମତ୍ବଦୁର୍ବଲାର୍ଥବ୍ରତମାନମିଶନ
 NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_RÀKSASI_GANIMI - SVÀHÀ

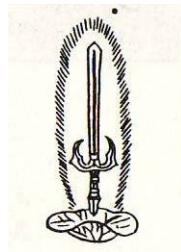
3_ La Sát Nữ (Ràksasì):

Ràksasì là một trong hai nữ La Sát tuỳ tòng Niết Lý Đế Vương

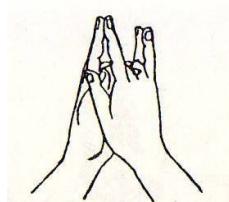
Tôn hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay phải cầm cây kiếm, dựng đầu gối trái mà ngồi (hình bên trái, phía dưới)



Chữ chủng tử là: (𢚤)
Tam Muội Gia Hình là: cây Kiếm



Tướng Ân là: La Sát Nữ Ân



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବସମତ ଦାନତୁ ରକ୍ଷମଗନମ୍ବା ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM_RÀKṢASI GANIMI - SVÀHÀ

4_ Đại Tự Tại Thiên (Mahe'svara):

Mahe'svara dịch âm là Ma È Thủ La, Mạc È Y Thấp Phật La. Lại gọi là Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Thiên Chủ.

Vị Trời này nguyên là Thần Chủ Thấp Bà ('Siva) của Bà La Môn Giáo và xưng tán vị Trời này là Bản Thể của Thế Giới. Tất cả vật Hữu Mệnh hoặc Vô Mệnh trong Tam Giới đều do Ma Hê Thủ La Thiên sinh ra.

Lại dùng Thân của Ma Hê Thủ La mà nói : Hư Không là cái đầu, Đất là cái thân, Nước là thứ tiểu tiện, tất cả Chúng Sinh là loài trùng trong bụng, Gió là mạng sống, Lửa là hơi ấm, Tội Phước là nghiệp, tất cả Sinh Diệt Niết Bàn đều là Ma Hê Thủ La

Phàm tất cả sự vui buồn sướng khổ của Nhân Gian đều do vị Trời này. Lúc vị Trời này vui thì tất cả chúng sinh đều được an lạc. Khi vị Trời này giận thì chúng Ma hiện ra, đất nước nhiễu loạn, tất cả Chúng Sinh đều tùy theo mà chịu khổ. Nếu Thế Giới này đoạn diệt thì tất cả vạn vật cùng quy vào Trời Đại Tự Tại. Sự tận diệt này là cách thức biểu hiện của Đại Tự Tại Thiên Thần.

Xong trừ sát thương, bạo ác... là tính cách bên ngoài. Vị Thiên này cũng có đủ tính cách cứu hộ trị liệu nên dùng diện mạo của vị Thần Cát Tường để hiện ra.

Sau này, khi đã du nhập vào Phật Giáo thì vị Thần Thấp Bà ('Siva) liền trở thành vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo. Ngài là vị Thần có uy lực to lớn, biết rõ lượng nước mưa của Đại Thiên Thế Giới và cư ngụ tại Trời Tứ Thiên thuộc Sắc Phạm Thiên Giới (Rùpa Brähma Loka)

Tôn hình: Thân màu tím đen, một mặt ba mắt, trên mao báu có nửa vòng trăng ngửa, ngồi trên con trâu, buông thông ống chân trái xuống dưới, tay trái cầm cây kích Tam Cổ (hình bên trái)

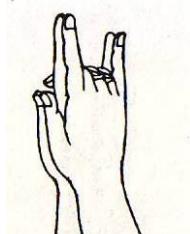


Chữ chủng tử là: RU (𠙴)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.



Tướng Ân là: Đại Tự Tại Thiên Ân



Chân Ngôn là:

ନମମମାର୍ଦ୍ଧମଂସ ତେ ମନ୍ଦସରାତ୍ମକମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ OM MAHE'SVARĀYA

SVĀHĀ

Hay ତେ ମନ୍ଦସରାତ୍ମକମ୍

OM _ EHYEHI MAHE'SVARĀYA

_ SVĀHĀ

5_ Đại Tự Tại Thiên Phi (Uma):

Uma nguyên là Tôn được sùng bái đặc biệt của Bà La Môn Giáo Thần Phi Phái thuộc Ấn Độ cổ đại. Lại xưng là Đỗ Nhĩ Gia(Durgà) hoặc Tuyết Sơn Thần Nữ

(Pàrvati). Trong thần thoại Ấn Độ thì Ô Ma Phi có đầy đủ sức Thần Lực lớn, thường nhận lời thỉnh cầu của chư Thiên đánh lui A Tu La Thiên mà hiển hiện hình tượng 10 cánh tay, tóc rối loạn, cõi sư tử, chặt đầu giết A Tu La Vương.

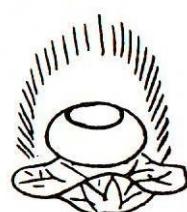
Sau này khi du nhập vào Mật Giáo thời sức uy thần chẳng có đủ như xưa, được ghi nhận là Phi của Đại Tự Tại Thiên, mẹ của Tỳ Na Dạ Ca (Vinayàka).

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, cõi con dê, tay trái cầm cây kích Tam Cổ (hình bên trái)

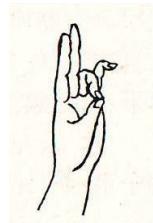


Chữ chủng tử là: U (ဢ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bát



Tướng Ấn là: Đại Tự Tại Thiên Phi Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ବଦୁଷ୍ଟତ୍ପରାଯେ ଶନ୍ତି

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_UMA JAMI_ SVÀHÀ

Hay ନମଃସମାତ୍ବଦୁଷ୍ଟତ୍ପରାଯେ ଶନ୍ତି

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_UMA-DEVI _ SVÀHÀ

6_ Phạm Thiên Nữ (Bràhmì):

Bràhmì dịch âm là Mật La Hám Nhĩ, Mật La Hứ Nhĩ, Mật La Nhĩ...tức là vợ của Phạm Thiên. Lại xưng là Phạm Thiên Phi, Phạm Thiên Hậu hoặc Đại Phạm Minh Phi.

Phạm Thiên (Bràhma) vốn trong sạch lìa Dục nên không có Phi Hậu. Do đó xưng **Phi** trong Mật Giáo tức đại biểu có Đức thuộc tính nữ của Phạm Thiên.

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay phải co cánh tay nắm quyền, tay trái co cánh tay để ngang ngực cầm hoa sen (hình bên dưới)

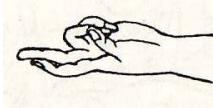


Chữ chủng tử là: BRA (𩶓)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở.



Tướng Ăn là: Phạm Thiên Nữ Ăn.



Chân Ngôn là:

ନମାମି ସାମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PRAJAPATAYE_ SVĀHÀ

7_ Đế Thích Nữ (Aindrì):

Aindrì là nữ của Đế Thích Thiên, một trong 7 Mẫu Nữ Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen búp nụ, ngửa lòng bàn tay trái lên trên (hình bên trên)



Chữ chủng tử là: AI (ऐ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen búp nụ.



Tướng Án là: Nhãm Ba La Mật Án.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମମ୍ବତ୍ ଦୁର୍ଗା ମହାଯଶ୍ଵର

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ 'SAKRÀYA - SVÀHÀ

8_ Cưu Ma Lợi (Kaumarī):

Kaumarī lại xưng là Câu Ma Lợi Thiên, Câu Ma La Thiên, Kiêu Ma Lợi Thiên. Là một trong các quyền thuộc của Đại Tự Tại Thiên, một trong 7 Mẫu Nữ Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây thương, tay phải nắm quyền (hình bên phải)

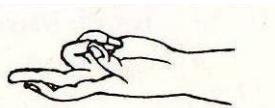


Chữ chủng tử là: KAU (କୌ)

Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ.



Tướng Án là: Cưu Ma Lợi Án.



Chân Ngôn là:

ॐ कामरी स्वाहा

OM _ KAUMÀRÌ _ SVÀHÀ

9_ Giá Văn Trà (Càmuṇḍà):

Càmuṇḍa dịch âm là Tả Muộn Noa, Giả Môn Noa, Già Muộn Noa... tức Tật Đố Nữ, Nộ Thần. Là quyến thuộc của Diêm Ma Thiên, người đứng đầu trong 7 Mẫu Nữ Thiên.

Tôn hình: Thân người đầu heo, thân màu đen đỏ. Tay phải cầm đầu lâu và cái bát. Tay trái nắm quyền để ở đầu gối (hình ở giữa)



Chữ chủng tử là: CA (𩗎)

Tam Muội Gia Hình là: Xương đầu lâu.



Tướng Ăn là: Giá Văn Trà Ăn



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ଦୁର୍ଗା ସମ୍ମାନ୍ୟ ଶନ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ CÀMUNDÀYE _ SVÀHÀ

Hay ଓ ହୁରୁ ହୁରୁ ସମ୍ମାନ୍ୟ ଶନ

OM_ HURU HURU CÀMUNDA_ SVÀHÀ

10_ Ma Noa Xá (nữ) (Manusyà):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái đè trên bắp đùi, nâng dựng tay phải để trước ngực (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: Ma (ମ) hoặc I (ି)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ăn.



Tướng Ăn là: Độc Cổ Ăn.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ଦୁର୍ଗା ତୁଳା ପରା ମଧ୍ୟ ମଧ୍ୟ ଶନ୍ୟ

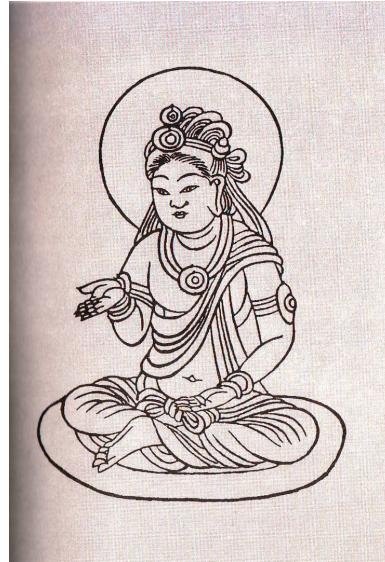
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ ICCHÀ PARAM MANO-MAYE

ME SVÀHÀ

11_ Ma Noa Xá (nam) (Manusya):

Manusya dịch âm là Mạt Nô Sa, Ma Nô Xà, Ma Tước hoặc Ma Tước Sứ.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay ngửa lòng bàn tay, tay trái ngửa lòng bàn tay để trên đùi



Chữ chủng tử là: MA (ማ), hoặc I (ઇ)
Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn.



Tướng Ấn là: Độc Cổ Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଇଚ୍ଛା ପରାମ ମନୋମାୟେ
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ ICCHĀ PARAM MANO-MAYE
ME SVĀHĀ

12_ Thuỷ Diệu (Budha):

Budha là một trong 7 Diệu hoặc 9 Diệu. Lại xưng là Thuỷ Tinh, Trích Tinh, Thuỷ Đại Diệu, Thuỷ Tinh (tinh tuý của nước)

Tôn hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, đầu đội mao báu Tinh Nguyệt (mặt trăng có ngôi sao), ngồi Bán Già.

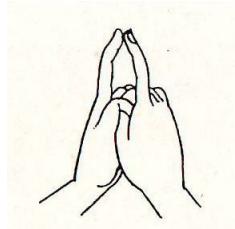


Chữ chủng tử là: BU (ဗ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên cái bình.



Tướng Án là: Thuỷ Thiên Án.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ନକ୍ଷତ୍ରା ନିର୍ଜାଦାନିୟେ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

hay ଓମ୍ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଶଖା ଖଦୁମା ଭନ୍ଦା

OM_ BUDHA- NAKṢATRA_ SVAMI KHEDUMA_ SVĀHĀ

13_ Thổ Diệu ('Sanai'scara):

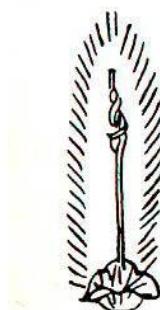
'Sanai'scara là một trong 7 Diệu hoặc 9 Diệu. Tức Trần Tình

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên Nhân, thân trên màu đỏ cởi trần, thân dưới mặc quần da beo, tay phải cầm cây gậy tiên, tư thế đi bộ

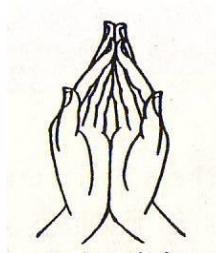


Chữ chủng tử là: 'SA (ရ), hoặc PR (ပျ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Tiên.



Tướng Án là: Bát Án.



Chân Ngôn là:

ନମମତ୍ସମନ୍ତବୁଦ୍ଧାନାମନକ୍ଷତ୍ରାନିର୍ଜାଦାନିୟେ
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHÀ

hay ଓମ୍ ସନୀ ଶର୍ଣ୍ଣି ଶର୍ତ୍ତି ସ୍ରି ସ୍ଵାହା
OM_ 'SANAI'SCARA-'SCITI-'SRI_ SVĀHÀ

14_ Nguyệt Diệu (Soma):

Soma tức Thái Âm, là một trong 9 Diệu

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm nửa vành trăng, tay trái nắm quyền để ngang ngực.

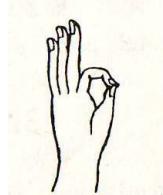


Chữ chủng tử là: SU (ସୁ)

Tam Muội Gia Hình là: Con thỏ trên nửa vành trăng.



Tướng Ăn là: Nguyệt Diệu Ăn.



Chân Ngôn là:

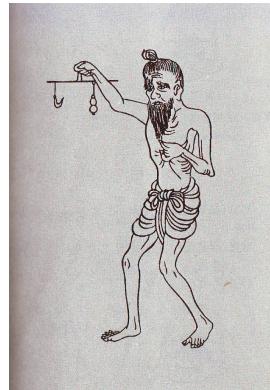
ନମାମତ୍ସମନ୍ତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍_ ନକ୍ଷତ୍ରା ନିର୍ଜାଦାନୀୟେ_
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

hay ଓମ୍_ସୋମା-ଁଶ୍ରୀ_ସ୍ଵାହା
OM_ SOMA-‘SRI_ SVĀHĀ

15_ Xứng Cung (Tulà-vimana):

Tulà-vimana là một trong 12 Cung. Lại xứng là Xứng Lượng Cung, Thiên Xứng Cung.

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên NHân cởi trần. Tay trái đeo ngang ngực. Tay phải cầm cái cân

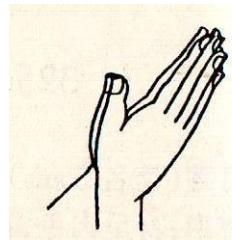


Chữ chủng tử là: TU (ତୁ), hoặc JO (ଜୁ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện



Tướng Ăn là: Chư Diệu Ăn.



Chân Ngôn là:

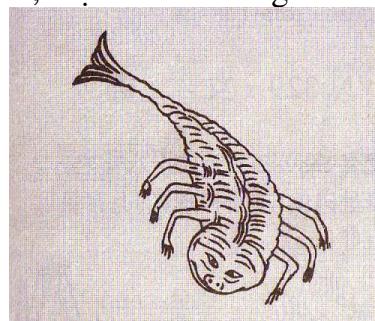
ଓঁ তুলা পাতায়ে স্বাহা

OM_ TULÀ-PATAYE_ SVÀHÀ

16_ Yết Trùng Cung (Vṛ' scika-vimana):

Vṛ' scika-vimana là một trong 12 Cung

Tôn hình: Thân màu đen đỏ, hiện hình bên ngoài của con Bò Cạp

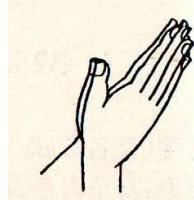


Chữ chửng tử là: VR (ঠ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Án là: Chư Diệu Án.



Chân Ngôn là:

ଓঁ শশি পাতায়ে স্বাহা

OM_ VR'SCIKA-PATAYE_ SVÀHÀ

17_ Cung Cung (Dhanu-vimana):

Dhanu-vimana là một trong 12 Cung. Lại xưng là Nhân Mã Cung, Xạ Thần Chủ. Chủ về việc vui họp chợ được tiền.

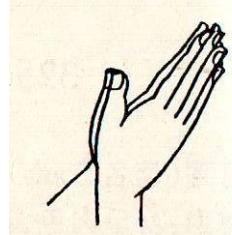
Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm mũi tên, tay trái cầm cây cung, hiện tư thế Thiên Nhân đi bộ.



Chữ chủng tử là: DHAM (ဓ)
 Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Án là: Chư Diệu Án.



Chân Ngôn là:
ॐ धनु पतये स्वाहा
OM_ DHANU-PATAYE_ SVÀHÀ

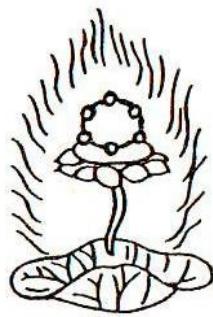
18_ Nữ Tú ('Sravaṇà):

'Sravaṇà là một trong 28 Tú.

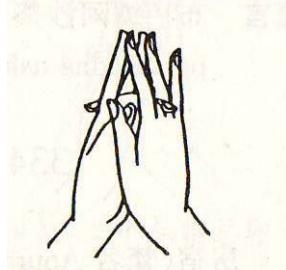
Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình bên phải)



Chữ chủng tử là: 'SRA (ສ)
Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ân là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ân.



Chân Ngôn là:

ନମମାତ୍ସରାଦାନାତ୍ ନିର୍ଜାଦାନିୟେ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKSATRA NIRJADANIYE_

SVĀHĀ

hay ଓମ୍ ଶ୍ରାଵନାନକ୍ଷତ୍ରାସ୍ଵାହା

OM_ 'SRAVANĀ-NAKSATRA_ SVĀHĀ

19_ Ngưu Tú (Abhijit):

Abhijit là một trong 28 Tú, ở vị trí của toà Sơn Dương.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình bên trái)

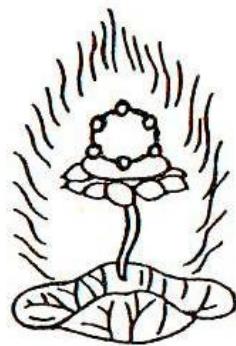


330 牛宿

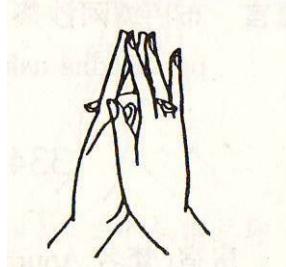
329 女宿

Chữ chung tử là: A (𠂊)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ân là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ân.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ନକ୍ଷତ୍ରା ନିର୍ଜାଦାନିୟେ

NAMAH_ SAMANTA_ BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA_ NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

hay ଓମ୍ ଅବ୍ରଜାନକ୍ଷତ୍ରା ସ୍ଵାହା

OM_ AVRJÀ-NAKṢATRA_ SVĀHĀ

20_ Đầu Tú (Uttara-àśādhà):

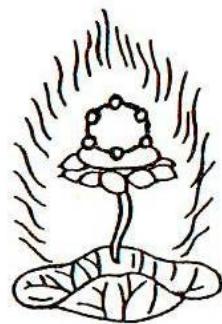
Uttara-àśādhà là một trong 28 Tú. Lại xưng là Đại Quang, hoặc Hậu A Sa Trà

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình chính giữa).

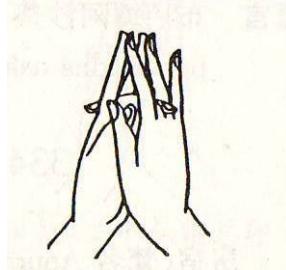


Chữ chủng tử là: MA (ମା)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ăn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ăn.



Chân Ngôn là:

ନମମାତ୍ସ ଉତ୍ତରାଶାଦ୍ଧା ନକ୍ଷତ୍ରା ନିର୍ଜାଦାନ୍ୟେ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

hay ଉତ୍ତରାଶାଦ୍ଧା ନକ୍ଷତ୍ରା ସନ୍ଧାନ

OM_ UTTARA-ĀŚĀDHĀ-NAKṢATRA_ SVĀHĀ

21_ Vī Tú (Mùla):

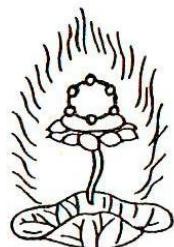
Mùla dịch âm là Mâu Lam, Mô La. Là một trong 28 Tú. Lại xưng là Thiên Thiêng, Căn Nguyên Tú.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao, giao ống chân mà ngồi. (hình thứ ba đếm từ bên trái)

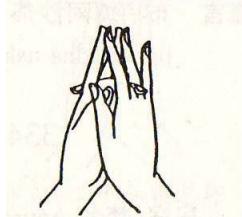


Chữ chủng tử là: MU (ሙ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấн là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ଏଷାନ୍ତ ନକ୍ଷତ୍ର ଅନ୍ତଦଳାୟ ଶନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

hay ଓମ ମୁଲା ନକ୍ଷତ୍ରା ଶନ୍ତ

OM_MÙLA-NAKSATRA_SVÀHÀ

22_ Cơ Tú (Pūrva-àśādhà):

Pūrva-àśādhà là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (Hình thứ tư đếm từ bên trái)

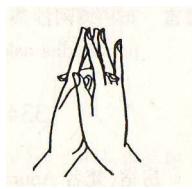


Chữ chủng tử là: A (ଅ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମେସମତ ଏହୁନ୍ଦୁ ନକ୍ଷତ୍ର ଅନ୍ତର୍ଦ୍ଵାଳ୍ୟ ଶନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

hay ଓମ ପୁର୍ବା ଆଶାଧା ନକ୍ଷତ୍ର ଶନ୍ତ

OM_PŪRVA-ĀSHĀDHĀ-NAKṢATRA_SVĀHĀ

23_ Phòng Tú (Anurādhà):

Anurādhà là một trong 28 Tú.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ nhất đếm từ bên trái)

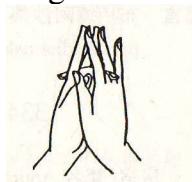


Chữ chủng tử là: A (ଆ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମେସମତ ଏହୁନ୍ଦୁ ନକ୍ଷତ୍ର ଅନ୍ତର୍ଦ୍ଵାଳ୍ୟ ଶନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

hay ଓମ ଅନୁରାଧା ନକ୍ଷତ୍ର ଶନ୍ତ

OM_ANURĀDHĀ-NAKṢATRA_SVĀHĀ

24_ Tâm Tú (Jyeṣṭhā):

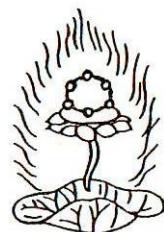
Jyeṣṭhā là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ hai đếm từ bên trái)

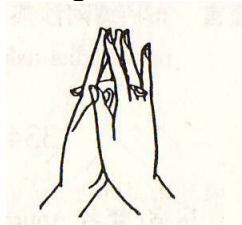


Chữ chủng tử là: JO (ಜೋ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମତା ଦେହଂସ ଗନ୍ଧାର ଅନ୍ତଦ୍ରାମ୍ଭାସ ମନ୍ତ୍ରା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_ SVĀHĀ

hay ଓମ୍ ଜ୍ୟେଷ୍ଠା ନକ୍ଷତ୍ରା ମନ୍ତ୍ରା

OM_ JYEṢTHA-NAKṢATRA_ SVĀHÀ

25_ Thuỷ Thiên Quyến Thuộc (Varuṇanī-parivāra):

Tôn hình: Thân màu tím đen, hai tay để trước ngực cầm cây kích Tam Cổ (hình dưới bên trái)

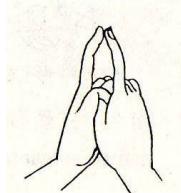


Chữ chủng tử là: ME (彌)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ बुद्धा स्री श्रवणे

OM_BUDHA-'SRI_ SVÀHÀ

26_ Thuỷ Thiên (Varuṇa):

Varuṇa dịch âm là Phộc Lỗ Noa, Phộc Lâu Na, Bà Lâu Na, Phật Lâu Noa. là một trong 20 Thiên của Mật Giáo, một trong 8 Phương Tiên Hộ Thế.

Tôn này là vị Thần Hộ Thủ của phương Tây, là vua của loài Rồng. Nguyên là vị Thần ở Thiên Không của Bà La Môn Giáo thời Ấn Độ cổ xưa, chủ của sông nước, chủ quản Tế Tự, duy trì Đạo Đức.

Tôn hình: Thân màu tím đen. Tay trái để ngang ngực cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Tay phải cầm cây kiếm (hình trên bên phải)

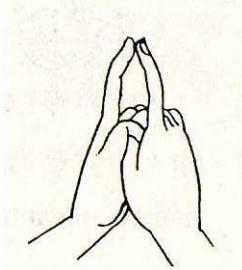


Chữ chủng tử là: VA (伐)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng (Long Sách).



Tướng Án là: Thuỷ Thiên Án.



Chân Ngôn là:

ଓମ ବୁଦ୍ଧା ଶ୍ରୀ ସବାହା

OM_BUDHA-'SRI_SVÀHÀ

27_ Nan Đà Long Vương (Nanda-Nàga-ràja):

Nanda-Nàga-ràja là một trong 8 vị Đại Long Vương, là vị Long Vương thủ hộ cực lớn trong Phật Giáo.

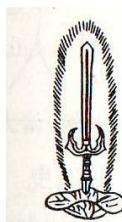
Vị Long Vương hay hay thuận ứng với tâm người, điều hoà mưa gió, rất được người đời vui vẻ cho nên có tên gọi là Hỷ Long Vương

Tôn hình: Thân màu thịt, trên đầu có 7 cái đầu Rồng. Tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây Rồng (Long Sách)

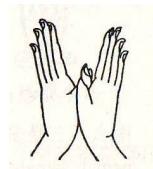


Chữ chủng tử là: NA (ନା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Án là: Chư Long Án.



Chân Ngôn là:

ନମେସମତ ଦୁର୍ଗାଂସ ନଥପନଥାୟା ମନ୍ଦା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM _ NANDA UPANANDÀYE_
SVÀHÀ

hay ନମେସମତ ଦୁର୍ଗାଂସ ନଥାୟା ମନ୍ଦା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM _ NANDÀYA_ SVÀHÀ

28_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (Upananda-Nàga-ràja):

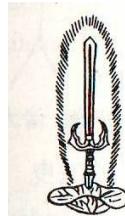
Upananda-Nàga-ràja là em của Nan Đà Long Vương, là Đại Hộ Pháp Long Vương của Phật Giáo.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây Rồng, trên đầu có 7 cái đầu Rồng.

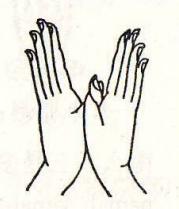


Chữ chủng tử là: U (ဗ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Án là: Chư Long Án.



Chân Ngôn là:

ନମେସମତ ଦୁର୍ଗାଂସ ନଥପନଥାୟା ମନ୍ଦା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM _ NANDA UPANANDÀYE_
SVÀHÀ

hay नमः समांत बुद्धानं उपनन्दया स्वाहा
 NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ UPANANDÀYA_ SVÀHÀ

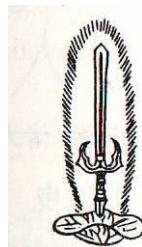
29_ Đối Diện Thiên (Abhimukha):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kiếm, tay phải nắm quyền dựng ngón trỏ.

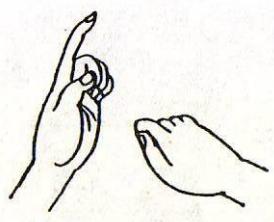


Chữ chung tử là: A (अ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Án là: Tướng Hướng Thủ Hộ Án.



Chân Ngôn là:

नमः समांत बुद्धानं वज्रानं शमनस्य रथदया किंचिरायसि माम
 अमराश्रुते स्वाहा

NAMAH_ SAMANTA VAJRÀNÀM_ HE_ ABHIMUKHA MAHÀ
 PRACANDA_ _ KHADAYA KIMCIRÀYASI SAMAYA MANUSMARA_
 SVÀHÀ

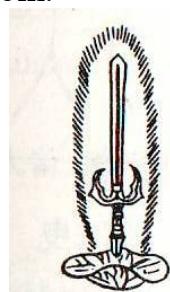
30_ Nan Phá Thiên (Durdharṣa):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền dựng ngón trỏ

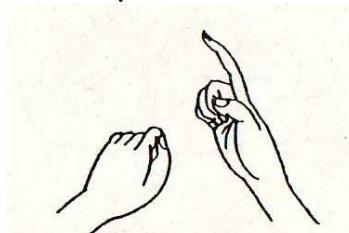


Chữ chủng tử là: KHA (ຂ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ଃସମତାଶଂକରାଧିଷ୍ମନାରାଧାରାଦଦୟସହଗଭାଗକୁରୁତ୍ୱଃ

NAMAH SAMANTA VAJRĀNĀM_ DARDHARŚA, MAHĀ ROṢANA
KHĀDAYA _ SARVA TATHĀGATĀ JÑAM KURU_ SVĀHĀ

31_ Quảng Mục Thiên (Virūpākṣa):

Virūpākṣa dịch âm là Ty Lưu Ba Ha Xoa, Tỳ Lộ Ba Ha Khất Xoa, Tỳ Lâu Bà Xoa, Tỳ Lỗ Bạc Xoa, Tỳ Lâu Bác Xoa. Lại xưng là Ác Mục Thiên, Xú Mục Thiên, Tạp Ngữ Chủ Thiên, hoặc Phi Hảo Báo Thiên.

Do Ngài có Bản Thệ trừng phạt người có tội khiến họ phải gặp các điều cay đắng, sau đó mới có thể khởi Tâm Đạo nên Ngài thường dùng Thiên Nhãnh Thanh Tịnh quán sát độ trì cho chúng sinh ở Diêm Phù Đề . Vì thế Ngài có tên là Quảng Mục Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Tây

Tôn này là một trong 4 vị Thiên Vương, một trong 20 Thiên. một trong 16 vị Thiện Thần. Là vị vua thống lãnh hàng Rồng (Nàga) và Phú Đan Na (Pūtana _

Xú Quỷ) Ngài cư ngụ tại thành Chu La Thiện Kiến thuộc Bạch Ngân Đóa ở phía Tây núi Tu Di

Tôn hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, giáp trụ. Tay phải cầm cây kích Tam Cổ. Tay trái nắm quyền để trên đùi.

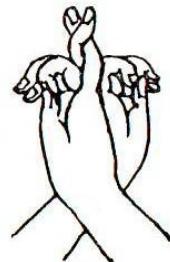


Chữ chủng tử là: VI (𠙴)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Quảng Mục Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମାମି ସାମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ଓ ଵିରୂପାକ୍ଷା ନାଗା
ADHIPATAYE _ SVÀHÀ
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM _ VIRŪPĀKṢA NĀGA-

32_ Thuỷ Thiên (Varuṇa):

Varuṇa là một trong 8 phương Thiên hoặc 20 Thiên, thủ hộ phương Tây

Tôn hình: Thân màu thịt, trên đầu có 7 cái đầu Rồng, tay phải cầm sợi dây Rồng, tay trái nắm quyền để trên đùi.(hình bên phải phía trên)



Chữ chủng tử là: VA (ቂ), hoặc A (አ)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଅପାମ୍ପତାୟେ ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ APAMPATAYE SVĀHĀ

33_ Thuỷ Thiên Phi (Varuṇanī):

Varuṇanī là Phi của Thuỷ Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt vàng trắng, trên đầu có 9 cái đầu Rồng, tay phải cầm sợi dây Rồng, tay trái đძ trên đùi (hình chính giữa)



Chữ chủng tử là: ME (ሮ)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.



Tướng Ăn là: Thuỷ Thiên Ăn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଅପମ୍ପତୟେ ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ APAMPATAYE SVĀHĀ

34_ Thuỷ Thiên Phi Quyến Thuộc (Varuṇanī-parivāra):

Varuṇanī-parivāra là quyến thuộc của Thuỷ Thiên Phi.

Tôn hình: Thân màu thịt, trên đầu có 8 cái đầu Rồng, tay phải cầm cây kích, tay trái cầm sợi dây Rồng (hình bên trái phía dưới)

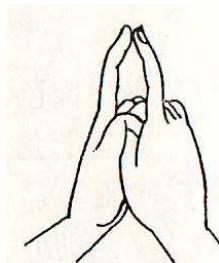


Chữ chủng tử là: ME (彌)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.



Tướng Ăn là: Thuỷ Thiên Ăn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ ଦୁର୍ଗାଂ ଶ୍ଵର୍ଣ୍ଣାଂ

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ MEGHA ‘SANIYE_ SVÀHÀ

35_ Na La Diên Thiên (Nàràyaṇa):

Nàràyaṇa dịch ý là Kiên Cố Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Câu Toả Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên. Lại xưng là Na La Diên Na Thiên, Na La Dã Noa Thiên.

Na La Diên (Nàràyaṇa) nguyên là vị Thần cổ xưa của Ấn Độ có sức mạnh to lớn. Đây là vị Trời trong Dục Giới (Kàma Loka). Lại xưng là Tỳ Nữu Thiên (Viṣṇu). Người muốn cầu có nhiều sức mạnh thì nên tinh thành cầu đảo cúng dường vị Trời này ắt được nhiều thần lực

Đại Nhật Kinh Sớ , quyển 10 cũng ghi nhận vị Trời này là tên riêng của Tỳ Nữu Thiên, là Hóa Thân của Đức Phật, thường cõi con chim Ca Lâu La (Garuḍa_ Kim Xí Diểu) du hành trong hư không.

Ấn Độ cổ đại thì xưng tán vị Trời này là Mẫu của Phạm Thiên và thường xướng tụng câu Chú “ OM NAMO NÀRÀYANÀYA “ ắt có thể bay lên Trời.

Sau khi du nhập vào Mật Giáo thì Tôn này và Uế Tích Kim Cương (Uchuṣma) được xưng chung là Nhị Vương Tôn, thủ hộ cửa chùa

Tôn hình: Thân màu xanh đen, cõi chim Ca Lâu La, buông thông bàn chân phải, để lòng bàn tay trái trên eo. Tay phải co lên trên, dựng ngón trỏ nâng một bánh xe. Thân có 3 mặt, mặt chính là mặt Bồ Tát có 3 con mắt, mặt bên phải là mặt voi trắng, mặt bên trái là mặt heo đen, đầu đội mao báu.

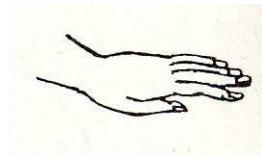


Chữ chủng tử là: VI (ණ)

Tam Muội Gia Hình là:Bánh xe vàng.



Tướng Ấn là: Na La Diên Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VIŚNAVE_ SVĀHĀ

36_ Na La Diên Thiên Phi (Nàràyaṇi):

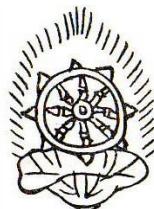
Nàràyaṇi là Phi của Na La Diên Thiên.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái nâng lá sen chứa đầy hoa, tay phải nâng đỡ bên cạnh lá sen

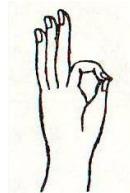


Chữ chủng tử là: VI (ଶ)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe báu.



Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn.



ନମଃସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VIŚNUVI_ SVĀHĀ

37_ Biện Tài Thiên (Sarasvatī):

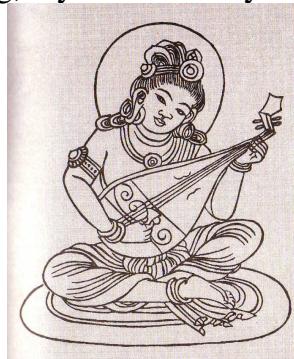
Biện Tài Thiên Nữ (Sarasvati-Devi). Theo Ấn Độ Giáo và Bà La Môn Giáo cổ đại thì Tôn này là Văn Nghệ Thần Nữ. Lại còn gọi là Đại Biện Thiên, Đại Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Công Đức Thiên, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần, Diệu Âm Thiên, Mỹ Âm Thiên và gọi tắt là Biện Thiên.

Theo Lê Câu Phệ Đà (Rig- Veda) thì Tôn này là tên gọi của con sông và là vị Thần Sông Rạch hay trù uế cho con người; ban cho con người sự giàu có, tiền của, con cháu và sự dũng cảm.

Theo Phạm Thư và Ma Ha Bà La Da (Sử Thi Mahà-Bharata) thì Tôn này là Ngôn Ngữ Thần Nữ. Sau này là vợ của Phạm Thiên tức là Nữ Thần của ngôn ngữ và tri thức. Tương truyền Tôn này là người sáng tạo ra Mẫu Tự Thiên Thành Thể và Phạn Ngữ, chưởng quản thi ca âm nhạc. Là người bảo hộ cho kẻ học nghệ thuật hòa tấu. Sau này lại là Nữ Thần của trí tuệ và hùng biện. Có lúc lại thấy Tôn này là vợ của Tỳ Tháp Noa (Viṣṇu) cùng với Cát Tường Thiên Nữ đồng nhận Tín Ngưỡng phổ biến.

Khi du nhập vào Phật Giáo thì Tôn này là người thủ hộ thọ trì Kinh Kim Quang Minh (Suvarṇa prabhāsottama- Sutra)

Tôn hình:Thân màu thịt trắng, tay trái cầm cây đàn Tỳ Bà, tay phải búng gẩy

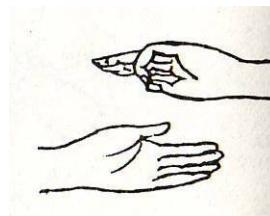


Chữ chủng tử là: SU (සු), hoặc SA (සා)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu



Tướng Ấn là: Diệu Âm Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

නම්සමත දර්ඝන්ත සර්ස්වතා නම

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM _ SARASVATYAI - SVĀHĀ

38_ Cửu Ma La Thiên (Kumāra):

Kumàra lại xưng là Cu Ma La Thiên, Cưu Ma La Già Thiên, Câu Ma La Thiên. Là một trong 20 Thiên hộ thế, tức là Phạm Thiên ở cõi Sơ Thiên. Do dung mạo như Đồng Tử nên có tên gọi này.

Tôn hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Tử có 6 mặt. Tay phải cầm cây kích Tam Cổ, cõi con Công



Chữ chủng tử là: SKA (ສැ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.



Tướng Án là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାର୍ଥେ ଦୁଷ୍ଟଂସ୍ତୁତାକର୍ମ୍ୟାସ୍ତୁତାଗାତ୍ମଶ୍ରାଗମ୍
ରୁକ୍ମିଣୀର୍ମନ୍ଦାର୍ଗମ୍ ଏହିଦୁଷ୍ଟାକର୍ମ୍ୟାସ୍ତୁତାଗାତ୍ମଶ୍ରାଗମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM_ LOKA ALOKÀ KARÀYA _
SARVA DEVA NÀGA YAKSA GANDHARVA ASURA GARUÐA
KIMNARA MOHÀRAGA DI_ HRDÀYA ANYA AKARSÀYA VICITRAGATI
SVÀHÀ

39_Nguyệt Thiên (Candra):

Candra dịch âm là Chiên Đà La, Chiến Đạt La. Lại xưng là Nguyệt Thiên Tử, Bảo Cát Tường Thiên Tử. Bà La Môn Giáo của Ấn Độ đã Thần Cách Hoá mặt trăng thành Nguyệt Thiên.

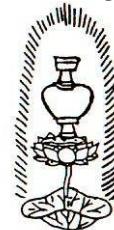
Tôn này là một trong 20 Thiên, một trong Thiên Bộ thủ hộ Phật Pháp

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, ngồi trên ba con ngỗng. Tay trái đẻ ngang ngực. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có hình nửa mặt trăng

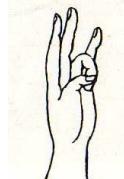


Chữ chủng tử là: (𠙴)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình màu trắng.



Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM _ CANDRĀYA_ SVĀHĀ

40_ Nguyệt Thiên Phi (Candra-parivārā):

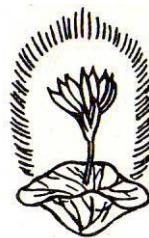
Candra-parivārā là Phi của Nguyệt Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay trái đẻ trước ngực cầm hoa sen

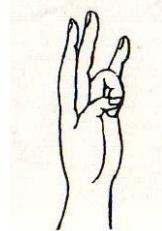


Chữ chủng tử là: CA (𠙴)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen xanh.



Tướng Ấн là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମନ୍ଦରାଂ ସନ୍ଦର୍ଭାର୍ତ୍ତାଶନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM _ CANDRA-PARIVĀRE_ SVĀHĀ

41_ Cổ Thiên (Vādyā-devatā):

Tôn hình: Thân màu thịt, ngồi Kiết Già, để cái trống trên đùi, hai tay vỗ đánh (hình bên phải)

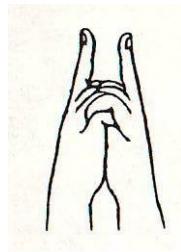


Chữ chủng tử là: VÀ (ቋ), hoặc VI (ቋ)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái trống).



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

नमः समांत बुद्धानाम् विसुद्धास्त्रवाहिनी
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VI'SUDDHĀ-SVARA VÀHINI
SVĀHĀ

42_ Ca Thiên (Gita-devatā):

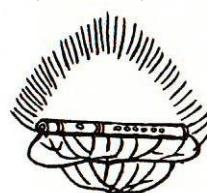
Gita-devatā là một trong các Nhạc Thiên, thổi sáo tre

Tôn hình: Thân màu thịt, thổi sáo nằm ngang (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: GÌ (ಗಿ)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái sáo)



Tướng Ân là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

नमः समांत बुद्धानाम् हक्षसनाम् विहासनाम्
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HAKHASANĀM VIHASANĀM _
KIMNARĀNĀM _ SVĀHĀ

43_ Ca Thiên (Gita-devatā)

Tôn hình: Thân màu thịt, thổi sáo (hình bên phải)

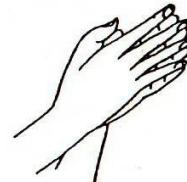


Chữ chủng tử là: GÌ (𠵼)

Tam Muội Gia Hình là: Ông sáo.



Tướng Án là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବସମାରାଦହନମାଂ ଅନ୍ଧମାନ୍ତକରାମାଂ ଶନ
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM_ HAKHASANAM VIHASANAM _
KIMNARÀNAM _ SVÀHÀ

44_ Nhạc Thiên (Vàdyā-devatā):

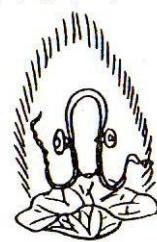
Vàdyā-devatā là một trong các Nhạc Thiên, tấu nạo bạt

Tôn hình: Thân màu thịt, diễn tấu nạo bạt (hình bên trái)

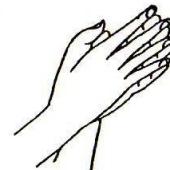


Chữ chủng tử là: VÀ (𧈚)

Tam Muội Gia Hình là: Cái Nạo Bạt



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ବି ସୁଦ୍ଧା ଶରା ଵାହିନୀ
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VI'SUDDHĀ-SVARA VÀHINI
SVĀHĀ

45_ Phong Thiên Phi (Vàyavì):

Vàyavì là Phi của Phong Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có cái túi nhỏ

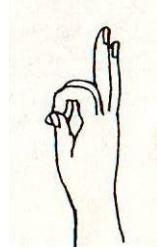


Chữ chủng tử là: VÀ (ବା)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phuống.



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାଂତବୁଦ୍ଧନାମ୍_ଵାୟାବେ_ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHANAM_VÀYAVE_SVÀHÀ
Hay ଓମ୍ ବାୟାବେ_ସ୍ଵାହା
OM VÀYAVÌ_SVÀHÀ

46_ Phong Thiên Quyến Thuộc (Vàyava):

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Tử, tay trái nắm quyền để trên đùi. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có nửa vành trăng, bên trên có vành mặt trời (hình bên dưới)

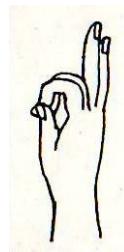


Chữ chủng tử là: VÀ (ବା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phuướng



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ୍ତ ସମାନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍
NAMAH_ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VÀYAVE_ SVÀHÀ

47_ Phong Thiên Quyển Thuộc (Vàyava):

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Tử, tay phải để trước ngực ngửa lòng bàn tay. Tay trái nắm cây gậy, đầu gậy có nửa vành trăng, trên trăng có mặt trời (hình bên trên)

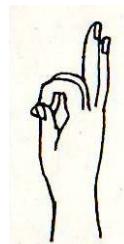


Chữ chủng tử là: VÀ (ବା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phuướng



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ୍ତ ସମାନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍
NAMAH_ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VÀYAVE_ SVÀHÀ

48_ Phong Thiên (Vàyu):

Vàyu dịch âm là Phộc Dữu, Bà Dữu, Bà Dũ, Phật Do. Lại xưng là Phong Thần, Phong Đại Thần. Là một trong 20 Thiên của Mật Giáo, một trong 8 Phương Thiên hộ thế .

Nguyên là Thần Gió của Ấn Độ Giáo cùng với Nhật Thiên, Hoả Thiên được xưng chung là **Phệ Đà Tam Thần**, tức là vị Thần ban cho Danh Dự, Phước Đức , con cháu, sự sống lâu.

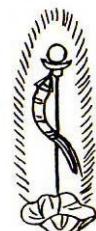
Trong Phật Giáo thì Tôn này là vị Thần thủ hộ phương Tây Bắc

Tôn hình: Thân màu đen đỏ, đầu đội mao, khoác Thiên Y, khôi giáp, dây thắt lưng tung múa tuỳ theo gió thổi. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có nửa mặt trăng, trên trăng có ngôi sao. Tay trái đeo trên đùi.

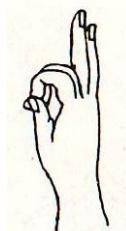


Chữ chủng tử là: VÀ (වා)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phuống.



Tướng Án là: Nguyệt Thiên Án.



Chân Ngôn là:

නමසමත් පදනම් තයුත් ස්වහා

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

31/07/2009